

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 12/01/2022
(Từ 17h00 ngày 11/01/2022 đến 17h00 ngày 12/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	51	28	16	7	0	0	3699	1017	3339	26
2	H. Lắk	14	3	11	0	0	0	876	738	493	1
3	H. Krông Bông	13	10	3	0	0	0	315	113	249	0
4	H. Krông Buk	16	6	10	0	0	0	1071	917	899	6
5	H. Ea H'Leo	1	1	0	0	0	0	608	110	510	2
6	H. Krông Pắc	15	9	6	0	0	0	604	173	473	5
7	H. Krông Ana	6	3	3	0	0	0	985	578	757	3
8	H. Cư M'Gar	0	0	0	0	0	0	1379	725	1203	8
9	H. Ea Súp	9	4	5	0	0	0	322	97	157	1
10	H. M'Đrăk	26	26	0	0	0	0	207	97	115	0
11	H. Krông Năng	0	0	0	0	0	0	376	250	317	2
12	H. Ea Kar	62	60	2	0	0	0	611	281	365	0
13	H. Buôn Đôn	0	0	0	0	0	0	236	68	184	0
14	H. Cư Kuin	10	6	4	0	0	0	888	538	789	4
15	TX. Buôn Hồ	12	6	4	1	0	1	1385	609	1206	16
	TỔNG	235	162	64	8	0	1	13562	6311	11056	74

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 12/01/2022 ghi nhận **13.562** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **11.056** trường hợp xuất viện, **74** trường hợp tử vong (02 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.432** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **46,5%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **725,5/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	1	3	2			
2	TP.BMT	27	118	86	82	1268	768
3	TX. Buôn Hồ	0	31	0	58	679	823
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	5	401	24
5	H. Krông Năng	0	0	0	8	315	221
6	H. Cư M'Gar	9	70	15	63	965	580
7	H. M'Đrăk	20	53	5	198	853	595
8	H. Ea Kar	9	102	88	103	1310	969
9	H. Krông Pắc	0	23	5	141	1453	1337
10	H. Krông Bông	0	54	12	353	1916	1459
11	H. Krông Ana	1	7	1	9	217	280
12	H. Cư Kuin	0	0	0	44	405	262
13	H. Lắk	0	0	24	53	367	293
14	H. Buôn Đôn	4	47	34	58	507	538
15	H. Ea Sup	0	0	0	104	704	334
16	H. Krông Buk	-	0	34	-	358	216
	TỔNG	71	524	306	1279	11718	8699

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	39	42	581
2	TX. Buôn Hồ	51	11	381
3	H. Ea H'Leo	56	27	566
4	H. Krông Năng	13	8	308
5	H. Cư M'Gar	32	41	369
6	H. M'Đrăk	20	45	317
7	H. Ea Kar	142	121	934
8	H. Krông Pắc	573	347	3166
9	H. Krông Bông	71	69	490
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	9	13	166
12	H. Lắk	1	7	35
13	H. Buôn Đôn	0	0	180
14	H. Ea Sup	14	32	132
15	H. Krông Buk	0	-	8
	TỔNG	1021	763	7913

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	155	0	473	0					
2	TP.BMT	310	53	2933	546	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	60	12	368	36	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	27	1	9159	60	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	30	0	258	12	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	107	4	1298	67	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	380	20	1528	48	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	99	46	2139	191	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	241	5	4028	89	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	401	25	1963	75	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	59	6	1274	126	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	16	2	266	46	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	38	4	1062	196	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	111	5	1373	30	2	0	2	1	0
15	H. Ea Sup	9	9	123	123	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	-	-	297	106	-	-	0	0	0
TỔNG		2043	192	28542	1751	2	0	75	66	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	AstraZeneca	2.774.738	2.721.316	98,1
2	Comirnaty	774.950	818.494	105,6
3	Moderna	948.228	842.646	88,9
4	Sinopharm	61.320	62.687	102,2
TỔNG		4.559.236	4.445.143	100,7

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Tích lũy					
			Mũi 1		Mũi 2		Liều bổ sung	Liều nhắc
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.258.824	1.239.941	98,5	1.133.128	90,0	15.426	67.096
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	349.070	96,4	332.432	91,8	2.770	10.912
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	103.549	100,0	94.077	90,9	1.369	4.105
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.934	100,0	21.457	93,6	235	1.193
5	TE 15-17 tuổi	81.015	79.741	98,4	65.486	80,8		
6	TE 12-14 tuổi	128.048	115.753	90,4	1.648	1,3		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 13.562 trường hợp, có 11.056 trường hợp ra viện, 74 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.432 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	772	814	84	2	0	40	0
2	BV Dã chiến 02	1500	446	457	50	1	1	37	0
3	TTYT Krông Búk	230	189	198	17	0	0	8	0
4	BV khu vực 333	300	202	218	30	0	0	14	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	69	73	9	0	0	5	0
6	BVĐK Vùng TN	92	44	46	4	0	0	0	2
	Tổng	3222	1722	1806	194	3	1	104	2

- Điều trị F0 tại nhà: mới 45 trường hợp, tích lũy **309** trường hợp, 147 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị **160** trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.806)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	419	395	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	201	256	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	189	9	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	71	146	1	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	68	5	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	3	7	12	17	7	0	0	0	0
	Tổng	883	813	81	22	7	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	48.9	45.0	4.5	1.2	0.4	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.806)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	814	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	457	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	198	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	217	1	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	68	5	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	17	19	4	1	5	0
	Cộng	1771	25	4	1	5	0
	Tỷ lệ %	98.1	1.4	0.2	0.1	0.3	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 12/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiaio tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	134
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciêt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin. Lây sang thôn 4, Cư Ebur, BMT	142
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	14
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	58
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, buôn Anna - Xã Dray Sap, Krông Ana	145
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	59
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	179
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11,thôn 12, Hòa Phú, BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	92
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng, Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao, BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Trấp – Krông Ana	44
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgam, buôn Mlôc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuế, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	70
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	23
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	34
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Surk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	28
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	43
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol, Đăk Nuê, Lăk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Trấp, Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	24
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	26
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	22
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	72
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	176

TT	Chùm ca bệnh	F0
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B, Ea Đrong, Cư M'Gar	5
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	16
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Ea Yiêng, Krông Pắc	20
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	32
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	94
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	15
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	35
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk	23
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	8

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH, CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586